

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

---

**VƯƠNG VŨ HOÀNG TUẤN**

**HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY  
DOANH NGHIỆP TẠI CHI NHÁNH NGÂN HÀNG  
NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
ÔNG ÍCH KHIÊM**

**Chuyên ngành: TÀI CHÍNH VÀ NGÂN HÀNG**

**Mã số: 60.34.20**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**Đà Nẵng - Năm 2013**

**Công trình được hoàn thành tại**

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học : **TS. HỒ HỮU TIẾN**

Phản biện 1: PGS. TS. LÂM CHÍ DŨNG

Phản biện 2: TS. VÕ DUY KHƯƠNG

Luận văn đã được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 15 tháng 12 năm 2013.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng

Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Agribank là một trong những NHTM hàng đầu cả nước và là ngân hàng có mạng lưới rộng lớn. Trong hoạt động tín dụng KH chủ yếu của ngân hàng là KH doanh nghiệp bởi nó chiếm tỉ trọng lớn trong tổng dư nợ cho vay. Hoạt động hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp luôn là vấn đề quan trọng và được tiến hành thường xuyên trong HĐKD Agribank nói chung và của Chi nhánh Agribank Ông Ích Khiêm nói riêng.

Tuy nhiên, thời gian qua cho thấy rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay doanh nghiệp của Chi nhánh Agribank Ông Ích Khiêm chưa được kiểm soát chặt chẽ và rủi ro tín dụng có xu hướng ngày một gia tăng. Chính vì vậy yêu cầu cấp bách đặt ra là rủi ro tín dụng phải được quản lý, kiểm soát mà cụ thể đó là hoạt động hạn chế RRTD trong cho vay doanh nghiệp phải thực hiện một cách khoa học và có hiệu quả hơn, phạm vi rủi ro ở mức thấp nhất có thể chấp nhận được nhằm giảm thiểu các thiệt hại phát sinh từ rủi ro trong cho vay doanh nghiệp và tăng thêm lợi nhuận từ hoạt động tín dụng. Góp phần nâng cao chất lượng tín dụng trong cho vay doanh nghiệp cũng như uy tín và lợi thế trong HĐKD của Chi nhánh Agribank Ông Ích Khiêm.

Xuất phát từ thực tiễn trên, tôi quyết định chọn đề tài nghiên cứu “Hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ông Ích Khiêm” làm đề tài nghiên cứu.

### 2. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu của luận văn là làm sáng tỏ những vấn đề sau:

Luận văn góp phần hệ thống hoá lý luận cơ bản về hạn chế

RRTD trong cho vay DN của NHTM.

Dựa trên nền tảng lý luận cơ bản về hạn chế RRTD trong cho vay DN để phân tích, đánh giá đúng thực trạng về hạn chế RRTD trong cho vay DN tại Chi nhánh Agribank Ông Ích Khiêm. Trên cơ sở đó tác giả nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm hạn chế RRTD trong hoạt động cho vay DN tại Chi nhánh Agribank Ông Ích Khiêm.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu: Là vấn đề lý luận và thực tiễn về hoạt động hạn chế RRTD trong cho vay DN tại NHTM.

Phạm vi nghiên cứu: tại Chi nhánh Agribank Ông Ích Khiêm giai đoạn 2010-2012.

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Luận văn sử dụng các phương pháp thống kê mô tả, phương pháp tổng hợp, phương pháp so sánh, để phân tích thực tế về thực trạng hạn chế RRTD trong cho vay DN tại Chi nhánh Agribank Ông Ích Khiêm nhằm làm rõ vấn đề nghiên cứu.

### **5. Bố cục đề tài**

Ngoài phần mở đầu và phần kết luận, luận văn được trình bày gồm có 3 chương:

Chương 1: Lý luận cơ bản về hạn chế RRTD trong cho vay DN của NHTM.

Chương 2: Thực trạng hoạt động hạn chế RRTD trong cho vay DN tại Chi nhánh Agribank Ông Ích Khiêm.

Chương 3: Giải pháp hạn chế RRTD trong cho vay DN tại Chi nhánh Agribank Ông Ích Khiêm.

### **6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu**

## CHƯƠNG 1

# LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP CỦA NHTM

## 1.1. RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP CỦA NHTM

### 1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của doanh nghiệp

Theo điều 4 luật doanh nghiệp 2005/QH 11 do Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29/11/2005: “Doanh nghiệp là tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch ổn định, được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh.” [4,tr.9].

Trong giao dịch với ngân hàng, doanh nghiệp có đặc điểm sau:

Thứ nhất: Trong NH, KHDN là đối tượng KH thường chiếm tỷ trọng nhỏ về mặt số lượng nhưng chiếm tỷ trọng lớn về mặt doanh số giao dịch.

Thứ hai: Thông tin tài chính của KH doanh nghiệp rõ ràng và được thể hiện qua báo cáo tài chính.

### 1.1.2. Khái niệm, đặc điểm cho vay doanh nghiệp

#### *a. Khái niệm cho vay doanh nghiệp*

Khái niệm về tín dụng: Theo điều 4 Luật TCTD năm 2010 “Cấp tín dụng là việc thoả thuận để tổ chức, cá nhân sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền theo nguyên tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, bảo lãnh NH và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác”.

#### *b. Đặc điểm của cho vay doanh nghiệp*

Số lượng KH DN trong hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng ít so với tổng số KH trong tổ chức tín dụng.

Quy mô dư nợ trên KH trên KH lớn, nhu cầu vốn vay rất đa dạng về mặt quy mô thường được thể hiện ở kỳ hạn vay vốn bao gồm cả cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.

Các hình thức vay vốn cũng khác nhau .

Thông tin KH doanh nghiệp đầy đủ hơn thuận lợi cho ngân hàng và thường được DN cung cấp qua báo cáo tài chính và từ nguồn thông tin CIC.

Ngân hàng dễ dàng hơn trong việc kiểm soát quá trình sử dụng vốn vay, thông qua việc sử dụng vốn vay KH cung cấp các loại hóa đơn chứng từ có liên quan và dòng tiền được kiểm tra dễ dàng hơn.

Khả năng rủi ro tín dụng cao đặc biệt đối với cho vay doanh nghiệp có quy mô lớn bởi khi NH đầu tư vốn cho những dự án / phương án lớn nên khi rủi ro xảy ra dẫn đến thất thoát nguồn vốn lớn.

Thông qua cho vay DN ngân hàng có điều kiện tiếp cận và cung cấp các dịch vụ phụ khác ngoài cho vay.

Chi phí cho vay DN cao vì phải trích các chi phí thẩm định, kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn, chi phí trích lập DPXLRR lớn.

### **1.1.3. Khái niệm rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của NHTM**

Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 của Thống đốc NHNN: “ Rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của TCTD do KH không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết”.

RRTD trong cho vay DN là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động NH của TCTD do DN không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết trong HĐTD.

#### **1.1.4. Đặc điểm và phân loại rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của NHTM**

##### ***a. Đặc điểm rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của NHTM***

Rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp mang tính tất yếu

Rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp mang tính gián tiếp

Rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp có tính chất đa dạng và phức tạp

##### ***b. Phân loại rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của NHTM***

#### **1.1.5. Nguyên nhân và hậu quả rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp**

##### ***a. Nguyên nhân rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp***

- Nhóm nguyên nhân thuộc về năng lực quản trị ngân hàng

- Nhóm các nguyên nhân thuộc về KH

- Nhóm các nguyên nhân khách quan liên quan đến môi trường bên ngoài.

##### ***b. Hậu quả của rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp***

Đối với ngân hàng thương mại.

Đối với nền kinh tế - xã hội.

## **1.2 NỘI DUNG HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP CỦA NHTM**

### **1.2.1 Nội dung hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp**

#### ***a. Xây dựng chính sách tín dụng theo hướng an toàn***

#### ***b. Tổ chức thực hiện hoạt động cho vay theo đúng quy trình cho vay***

*c. Các biện pháp xử lý để hạn chế tổn thất do RRTD trong cho vay DN gây ra*

*d. Các biện pháp hạn chế rủi ro tín dụng khác*

**1.2.2. Các chỉ tiêu phản ảnh kết quả hoạt động hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại NHTM**

- Sự thay đổi cơ cấu dư nợ theo khả năng thu
- Mức giảm tỷ lệ nợ xấu/ Tổng dư nợ
- Mức giảm tỷ lệ xoá nợ ròng/ Tổng dư nợ
- Mức giảm tỷ lệ lãi treo/Tổng dư nợ

**1.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng hoạt động hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp**

*a. Nhân tố bên trong*

- Tổ chức bộ máy quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

- Quy trình cho vay DN
- Quy mô cho vay DN
- Nguồn thông tin tín dụng doanh nghiệp
- Công nghệ ngân hàng

*b. Nhân tố bên ngoài*

- Các nhân tố từ phía KH doanh nghiệp
- Môi trường kinh tế - Xã hội
- Môi trường pháp lý
- Sự cạnh tranh của các ngân hàng thương mại

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 1**



## **CHƯƠNG 2**

### **THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI CHI NHÁNH NHNo VÀ PTNT ÔNG ÍCH KHIÊM**

#### **2.1. GIỚI THIỆU CHI NHÁNH AGRIBANK ÔNG ÍCH KHIÊM**

**2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển Chi nhánh Agribank Ông Ích Khiêm**

**2.1.2. Cơ cấu tổ chức, chức năng và nhiệm vụ**

**2.1.3. Tình hình HĐKD của Chi nhánh Agribank Ông Ích Khiêm giai đoạn từ năm 2010-2012**

#### ***a. Hoạt động huy động vốn***

Tình hình huy động vốn của Chi nhánh Agribank Ông Ích Khiêm tăng trưởng mạnh trong giai đoạn từ năm 2010-2012. Tính đến thời điểm 31/12/2012, tổng nguồn vốn huy động đạt 149.542 triệu đồng, tăng 27% so với năm 2011 và tăng 74,6% so với năm 2010. Trong đó, nguồn vốn ngắn hạn năm 2012 đạt 126.296 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 84,5%/tổng nguồn vốn, nguồn vốn trung và dài hạn chiếm tỷ trọng 15,5%/tổng nguồn vốn. Trong cơ cấu nguồn vốn của chi nhánh, tiền gửi từ các tổ chức kinh tế năm 2012 chiếm tỷ trọng 12%/tổng nguồn vốn, tiền gửi, nguồn tiền gửi từ dân cư chiếm tỷ trọng cao chiếm tỷ trọng 88%/tổng nguồn vốn chứng tỏ chi nhánh rất chú trọng hoạt động huy động vốn, nhất là hoạt động tiết kiệm tiền gửi của đối tượng KH dân cư vì đây là nguồn tiền gửi mang tính ổn định cao hơn so với nguồn tiền gửi của KH từ các tổ chức kinh tế, tạo tính bền vững cho chi nhánh. Như vậy, có thể thấy nguồn vốn của Chi nhánh Agribank Ông Ích Khiêm tăng trưởng ổn định và bền vững qua các năm.

### ***b. Hoạt động cho vay tại Chi nhánh Agribank Ông Ích Khiêm***

Trong 3 năm, dư nợ tín dụng tại chi nhánh đều có mức tăng trưởng, năm sau cao hơn năm trước với tốc độ tăng trưởng năm 2011/2010 là 0,11% và 2012/2011 là 0,21%. Tuy nhiên, cơ cấu dư nợ chưa hợp lý, tỷ trọng dư nợ vay trung dài hạn trên tổng dư nợ vẫn còn ở mức thấp.

Nợ xấu năm 2010: 1.456 triệu đồng chiếm tỷ lệ 1,16 %, Đến năm 2012 nợ xấu ở mức: 1.794 triệu đồng chiếm tỷ lệ 1,06 % đảm bảo theo quy định (<3%).

### ***c. Kết quả HĐKD***

Về kết cấu thu nhập thì thu nhập từ hoạt động cho vay vẫn chiếm một tỷ trọng lớn (chiếm 86%) trong tổng thu nhập, điều này cho thấy HĐKD của NH có nguồn thu chủ yếu từ cho vay do đó tính chất của RRTD sẽ dẫn đến sự không ổn định đối với thu nhập của chi nhánh, qua phân tích cơ cấu thu nhập cũng cho thấy hoạt động dịch vụ của chi nhánh hiện nay chưa được coi trọng, việc quan tâm và chú trọng đúng mức cho hoạt động dịch vụ sẽ mở ra cho chi nhánh những hướng đi mới trong hoạt động phát triển dịch vụ, đảm bảo nguồn thu nhập ổn định cho CBCNV.

## **2.2. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI CHI NHÁNH AGRIBANK ÔNG ÍCH KHIÊM**

### **2.2.1. Tình hình cho vay doanh nghiệp tại Chi nhánh Agribank Ông Ích Khiêm**

Đến cuối năm 2012, có 45 doanh nghiệp vay vốn tại chi nhánh và cơ cấu dư nợ như sau: nhóm 1: 31 doanh nghiệp, nhóm 2: 11 doanh nghiệp, nhóm 3,4: 2 doanh nghiệp, nhóm 5: 1 doanh nghiệp.

Bảng 2.4. Cơ cấu dư nợ cho vay DN tại Chi nhánh Agribank

Ông Ích Khiêm qua 3 năm (2010-2012)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012	
	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %
Tổng dư nợ	125.535	100	139.821	100	169.243	100
Dư nợ cho vay DN	87.875	70	111.857	80	143.857	85
a.Theo kỳ hạn cho vay	87.875	100	111.857	100	143.857	100
-Dư nợ ngắn hạn	50.010	56,91	62.058	55,48	77.136	53,62
-Dư nợ trung, dài hạn	37.865	43,09	49.799	44,52	66.721	46,38
b.Theo loại hình DN	87.875	100	111.857	100	143.857	100
- Công ty cổ phần	27.022	30,75	37.539	33,56	48.393	33,64
- Công ty TNHH	47.681	54,26	58.512	52,31	76.589	53,24
- DN tư nhân	13.172	14,99	15.805	14,13	18.874	13,12
c.Theo ngành nghề KD	87.875	100	111.857	100	143.857	100
Công nghiệp	8.867	10,09	10.772	9,63	11.106	7,72
Xây dựng	28.876	32,86	37.192	33,25	48.710	33,86
Thương mại-dịch vụ	43.639	49,66	57.304	51,23	74.878	52,05
Khác	6.494	7,39	6.588	5,89	9.164	6,37

*Nguồn: Báo cáo tình hình cơ cấu dư nợ cho vay DN của Chi nhánh*

*Agribank Ông Ích Khiêm*

#### **a. Theo thời hạn cho vay**

Qua bảng số liệu 2.4. cho thấy tỷ trọng dư nợ trung và dài hạn của DN trên tổng dư nợ của chi nhánh trong thời gian qua ở một mức tương đối cao so với mức trung bình của hệ thống (40%).

Nhìn vào cơ cấu dư nợ, tỷ trọng nợ trung dài hạn cao nên thời gian đến chi nhánh cần cơ cấu tại dư nợ chi nhánh, tăng cường hoạt động giám sát các khoản vay cũng như kiểm soát chặt chẽ dòng tiền

và tường xuyên nắm bắt hoạt động SXKD của KH nhằm đưa ra những giải pháp phù hợp trong việc kiểm soát rủi ro.

### ***b. Theo loại hình doanh nghiệp***

Nhìn vào bảng 2.4 ta thấy dư nợ cho vay đối với công ty cổ phần và công ty TNHH là chiếm tỷ lệ cao nhất so với trong cho vay doanh nghiệp và tăng đều qua từng năm. Cụ thể năm 2010 dư nợ đối với công ty cổ phần là 27.022 triệu đồng (chiếm tỷ trọng 30,75%) và công ty TNHH là 47.681 triệu đồng (chiếm tỷ trọng 54,26%); đến cuối năm 2012 dư nợ đối với công ty cổ phần là 48.393 đồng (chiếm tỷ trọng 33,64%) và công ty TNHH là 76.589 triệu đồng (chiếm tỷ trọng 53,24%).

### ***c. Theo ngành nghề kinh doanh***

Nhìn vào bảng 2.4 ta thấy dư nợ cho vay đối với ngành thương mại - dịch vụ và ngành xây dựng luôn chiếm tỷ lệ cao nhất so với các ngành khác, ngành xây dựng tăng đều qua từng năm và chiếm tỷ trọng cao so với các ngành còn lại, đặc biệt từ năm 2012 dư nợ của ngành xây dựng chiếm tỷ trọng cao nhất. Qua đó có thể thấy rằng ngành thương mại - dịch vụ và ngành xây dựng là những ngành mà Chi nhánh Agribank Ông Ích Khiêm chấp thuận cho vay nhiều nhất. Tuy nhiên theo thực trạng thì cơ cấu các DN trên địa bàn thành phố Đà Nẵng chủ yếu hoạt động ở ngành thương mại - dịch vụ (chiếm tỷ trọng 66,2%), nên việc tập trung vốn quá nhiều vào ngành xây dựng sẽ ảnh hưởng đến RRTD, thực tế trong những năm qua nợ xấu chủ yếu tập trung vào ngành xây dựng và chiếm tỷ trọng rất cao.

Trong HĐKD Chi nhánh Agribank Ông Ích Khiêm tập trung là hoạt động tín dụng là chủ yếu. Luận văn chỉ tập trung nghiên cứu hoạt động tín dụng dưới hình thức cho vay đối với DN.

## **2.2.2. Các biện pháp chi nhánh đã và đang áp dụng nhằm hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay DN tại Chi nhánh Agribank Ông Ích Khiêm trong thời gian qua**

### ***a. Thực hiện chính sách cho vay doanh nghiệp theo hướng hạn chế rủi ro chặt chẽ***

- Chi nhánh đã thực hiện đúng theo quy định về giới hạn mức phán quyết xét duyệt cho vay và mức cho vay đối với từng KH.

- Chi nhánh đã thực hiện quy định về tài sản đảm bảo tiền vay theo hướng an toàn và thắt chặt hơn

### ***b. Thực hiện tương đối nghiêm túc quy trình cho vay***

Tại chi nhánh không có các phòng nghiệp vụ khác như: Phòng QHKKH, Phòng thẩm định tín dụng, Phòng quản lý RRTD, Phòng kiểm soát nội bộ như tại Hội sở chính. Giám đốc hoặc phó giám đốc xem xét lại toàn bộ hồ sơ, tờ trình thẩm định của CBTD và trưởng phòng tín dụng để quyết định cho vay hay không cho vay. Điều này đã tác động lớn đến hoạt động xét duyệt và cấp tín dụng chưa được chặt chẽ và có khả năng dẫn đến nguy cơ rủi ro tín dụng trong cho vay DN rất cao.

### **- Lựa chọn và phân loại KH theo hướng chặt chẽ hơn**

Trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, số lượng KH DN của Chi nhánh Agribank Ông Ích Khiêm đang quan hệ tín dụng chiếm tỷ trọng rất thấp với số lượng DN hiện có và số lượng này có xu hướng giảm dần. Điều này chứng tỏ khả năng phát triển KH DN tại chi nhánh vẫn còn thấp, chưa tương xứng với số lượng DN trên địa bàn.

### **- Hoàn thiện dần hệ thống chấm điểm và xếp hạng tín dụng nội bộ đối với KH DN**

CBTD vì mục tiêu mong muốn KH đạt đủ điểm để xếp hạng nhóm nợ tốt thì việc cân nhắc các chỉ số tài chính thiếu chính xác và

điểm phi tài chính lại chọn bậc cao hơn nhằm đạt điểm cao, điều này làm cho xếp hạng tín dụng đối với KH chưa đúng với bản chất của nó.

**- Thực hiện việc thẩm định cho vay tương đối khoa học.**

Hiện nay việc phân tích tín dụng nhằm kiểm soát khoản vay trước và trong khi cho vay chủ yếu được thực hiện thông qua các bước sau: Tiếp xúc KH, Phân tích BCTC của KH, Phân tích hồ sơ đề nghị vay vốn.

Nhìn chung, quá trình thẩm định cho vay đối với KH DN tại chi nhánh được xem là quan trọng. Tuy nhiên, đối với những KH truyền thống vay vốn để bổ sung vốn lưu động thì hoạt động này thực hiện đôi lúc còn chủ quan, tiến hành phân tích đánh giá chưa toàn diện, thẩm định cụ thể, việc phân tích hồ sơ vay vốn và BCTC của KH DN nhỏ và vừa tại chi nhánh chưa được quan tâm đúng mức mà chỉ quan tâm nhiều đến tài sản bảo đảm, còn phân tích còn mang tính hình thức.

**- Chi nhánh thực hiện việc kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn của DN chưa được nghiêm túc.**

Việc kiểm tra giám sát quá trình vay vốn của KH tại Chi nhánh Agribank Ông Ích Khiêm tập trung chủ yếu vào các bước kiểm tra trước và trong khi cho vay thông việc phân tích tín dụng, còn đối với kiểm tra sau khi cho vay được thực hiện nhưng chưa thường xuyên và chặt chẽ.

**- Thực hiện việc bổ sung thêm các điều khoản của hợp đồng**

**- Biện pháp xử lý rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp**

*Cho vay để duy trì HDKD và cấu lại thời hạn trả nợ thông qua bảng số liệu sau:*

Bảng 2.5 Kết quả cho vay duy trì hoạt động và cơ cấu lại thời hạn trả nợ của Chi nhánh Agribank Ông Ích Khiêm

ĐVT: Triệu đồng

Chi tiêu	Năm 2011		Năm 2012		Tăng, giảm	
	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %
Cho vay duy trì HĐ DN	892	0,58	781	0,51	-111	-0,12
Cơ cấu lại nợ	637	99,42	754	99,49	117	0,18
Tổng cộng	1.529	100,00	1.535	100,00	6	0,00

(Nguồn: Báo cáo tổng kết của Chi nhánh Agribank Ông Ích Khiêm năm 2011-2012)

Chi nhánh đã phân tích thực trạng tài chính, hoạt động SXKD, phương án / dự án đầu tư của KH đang gặp khó khăn do thiếu vốn, ảnh hưởng đến việc thu nợ thì NH sẽ áp dụng biện pháp cho vay duy trì hoạt động DN, nhằm hỗ trợ hoạt động SXKD đối với DN có hiện trạng kinh doanh, tài chính kém, nhưng có khả năng phục hồi.

*Xử lý nợ xấu thông qua phát mãi tài sản đảm bảo nợ vay:*

Trên cơ sở kết quả phân loại nợ định kỳ, Chi nhánh Agribank Ông Ích Khiêm đã chỉ đạo phòng tín dụng rà soát, xây dựng phương án thu hồi nợ xấu theo từng biện pháp cụ thể, theo đó những KH không có khả năng thu hồi nợ thì sẽ tiến hành thông qua việc phát mãi tài sản.

Theo báo cáo tổng kết của chi nhánh thì kết quả thu hồi nợ từ phát mãi tài sản đảm bảo tiền vay trong năm 2011: 1.496 triệu đồng và năm 2012: 1.236 triệu đồng.

*Sử dụng quỹ DPXLRX xử lý rủi ro để giải quyết nợ xấu:*

Với mục tiêu nâng cáo tính an toàn trong HĐKD của NH nói

chung và của Chi nhánh Agribank Ông Ích Khiêm nói riêng. Trong thời gian qua, chi nhánh đã tích cực trích lập DPXLRR từ lợi nhuận hằng năm, số dư trích lập DPXLRR tăng qua các năm nhằm đảm bảo cho khả năng thanh khoản của NH.

Bảng 2.6 Kết quả trích lập DPXLRR qua 3 năm (2010-2012)

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Số dư quỹ DPXLRR đầu năm	325	432	337
DPXLRR trích lập trong năm	559	290	540
Sử dụng DPXLRR để xử lý nợ trong năm	452	385	587
Số dư quỹ DPXLRR cuối năm	432	337	290

*(Nguồn: Báo cáo kết quả trích lập DPXLRR tại Chi nhánh Agribank Ông Ích Khiêm)*

Năm 2010 chi nhánh đã sử dụng 452 triệu đồng từ quỹ DPXLRR và cho đến thời điểm cuối năm 2012 quỹ DPXLRR còn lại 290 triệu đồng.

**c. Các biện pháp phòng ngừa và hạn chế rủi ro khác:-** Đào tạo nguồn nhân lực; Giảm thiểu rủi ro. Ngoài ra, NH đã sử dụng các biện pháp XLRR nhằm chuyển giao rủi ro tín dụng trong cho vay cho một vài đối tượng khác chịu một phần hoặc một phần tổn thất xảy ra.

### **2.2.3. Kết quả hoạt động hạn chế RRTD trong cho vay DN tại Chi nhánh Agribank Ông Ích Khiêm.**

#### **a. Kết quả hoạt động hạn chế RRTD trong cho vay DN tại Chi nhánh Agribank Ông Ích Khiêm**

Dư nợ của DN ở nhóm 1 chiếm tỉ trọng lớn nhất qua các năm, nợ xấu của chi nhánh chủ yếu là nợ nhóm 3, còn nợ nhóm 4 hầu như không có và nợ nhóm 5 không đáng kể, Tuy nhiên, đến cuối năm 2012



nợ nhóm 5 tăng cao dư nợ ở mức 1.777 triệu đồng chiếm tỷ trọng 0,12 % trên 1,06% của tỉ trọng nợ xấu cho vay DN toàn chi nhánh.

Tỷ lệ nợ xấu giảm và trích lập DPXLRR tăng qua các năm. Đặc biệt, tỉ lệ trích lập DPXLRR năm 2012 tăng lên đáng kể so với năm 2011 là 0,86 %, điều này là phù hợp bởi dư nợ tăng lên nên tỷ lệ trích DPRR chung cũng tăng theo.

### ***b. Tỷ lệ trích lập DPXLRR cụ thể***

Tỉ lệ trích lập DPXLRR năm 2010 cao sau đó giảm dần qua các năm 2011 tỉ lệ trích 0,65%, điều này cho thấy NH đã hạn chế khá hiệu quả rủi ro cho vay DN và giảm khả năng gánh chịu tổn thất rủi ro gây ra. Tuy nhiên, đến năm 2012 tỉ lệ phải trích DPXLRR cụ thể là 0,48% do dư nợ chuyển nhóm 3 tăng lên không đáng kể nên số trích lập DPXLRR cụ thể là 540 triệu đồng.

### ***c. Tỷ lệ lãi treo***

Tại Chi nhánh, tồn lãi treo tương đối cao, năm 2011 là 440 triệu đồng tăng so với năm 2010 là 125 triệu đồng, tốc độ tăng 39,58%, đến năm 2012 lãi treo phát sinh 778 triệu đồng tăng so với năm 2011 là 191 triệu đồng, tốc độ tăng 32,5%, điều này cho thấy nguy cơ xảy ra RRTD trong cho vay DN ngày càng tăng lên qua các năm.

Trong các năm qua nợ ròng trong hoạt động cho vay tại chi nhánh chủ yếu là của các cá nhân tiêu dùng và hộ sản xuất. Thực tế nợ ròng cho vay DN có phát sinh nhưng khi xử lý nợ chi nhánh đều thu hết nợ.

## **2.2.4. Đánh giá chung về hoạt động hạn chế RRTD trong cho vay DN tại Chi nhánh Agribank Ông Ích Khiêm trong thời gian qua**

### ***a. Những thành công đạt được***

Chất lượng hoạt động tín dụng trong cho vay DN tại Chi nhánh

Agribank Ông Ích Khiêm tuy chưa cao nhưng nhìn chung đã đạt được những kết quả nhất định. Dư nợ cho vay DN trên tổng dư nợ tăng liên tục trong 3 năm qua 2010 - 2012. Chi nhánh đã đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn ngắn hạn cho các DN, đáp ứng một phần vốn trung dài hạn, tạo điều kiện giúp các DN trong HĐKD có hiệu quả hơn.

Nợ xấu được khống chế dưới 5% phù hợp với định hướng chung của NHNN. Tỷ lệ nợ khó đòi trên tổng dư nợ cho vay DN giảm dần góp phần làm giảm nợ khó đòi xuống một cách đáng kể, nâng cao chất lượng và hiệu quả tín dụng tại chi nhánh.

Thu nhập từ hoạt động tín dụng đối với DN tăng lên.

Hoạt động tín dụng trong cho vay DN vừa giúp Chi nhánh Agribank Ông Ích Khiêm mở rộng được thị phần vừa phát triển được các dịch vụ NH hiện đại, nâng cao uy tín và khả năng cạnh tranh của ngân hàng.

### ***b. Những hạn chế***

Kết quả tỷ lệ nợ xấu, tỷ lệ DPXLRR giảm dần qua các năm nhưng vẫn ở mức cao điều này dẫn đến RRTD khá lớn.

Hoạt động tổ chức quản lý rủi ro nói chung và quản lý RRTD nói riêng thường giao cho bộ phận tín dụng trực tiếp làm chứ chưa có bộ phận chuyên trách.

Việc xử lý nợ có vấn đề chưa triệt để so với kết quả đạt được. Hoạt động tổ chức bộ máy để phân công, phân nhiệm còn mang tính chung chung chưa thực sự rõ ràng.

Chính sách cho vay KH DN áp dụng tại chi nhánh còn hạn chế về giới hạn mức cho vay đối với KH DN thấp.

Hoạt động xếp hạng tín dụng nội bộ KH DN thực hiện chưa tốt điều này dẫn đến khó khăn trong việc lựa chọn KH vay vốn.

Hoạt động thẩm định của đội ngũ cán bộ tín dụng còn nhiều

hạn chế, thiếu kinh nghiệm thực tiễn.

Việc dựa dẫm quá nhiều vào tài sản thế chấp thay vì đánh giá tính khả thi của phương án kinh doanh nên dễ dẫn đến tâm lý ỷ lại và khi ấy dễ mắc sai lầm chủ quan. Điều này rất nguy hiểm vì khoản vay cần được trả nợ bằng dòng tiền tạo ra bởi phương án SXKD chứ không phải bằng tiền chuyển nhượng tài sản thế chấp.

Hoạt động kiểm tra, giám sát sau khi cho vay tại chi nhánh chưa chặt chẽ và kịp thời.

NH quan tâm đến vấn đề về bảo hiểm tín dụng, KH đã gánh chịu về lãi phải trả cho NH còn phải trả phí bảo hiểm điều này gây khó khăn cho KH. Tuy nhiên, nếu NH chịu phí bảo hiểm này thì chi phí cho vay sẽ bị tăng lên làm giảm lợi nhuận thu được từ hoạt động cho vay.

Hoạt động thực hiện chấm điểm theo hệ thống XHTD nội bộ tại Chi nhánh chưa được chính xác.

Thông tin tín dụng tại chi nhánh thường gặp những khó khăn về tính chính xác của thông tin do KH cung cấp để thẩm định hiệu quả khoản vay, kiểm tra và giám sát trong quá trình cho vay đối với KH.

### ***c. Nguyên nhân của những hạn chế***

*- Nhân tố bên trong:*

Chất lượng đội ngũ nhân viên tín dụng còn hạn chế, ít kinh nghiệm.

Tình hình tài chính và phi tài chính của KH còn hạn chế, thiếu cập nhật, làm việc theo cảm tính, chủ quan.

Ngoài ra hoạt động đào tạo nguồn nhân lực chưa quan tâm đúng mức, khả năng hạn chế RRTD trong cho vay DN gặp khó khăn.

Định giá tài sản thế chấp thường áp dụng giá thị trường để tính giá trị cho vay mà chưa tính đến sự biến động giá cả tương lai sẽ thay

đổi theo hướng giảm lúc đó việc thanh lý tài sản sẽ gặp khó khăn trong định giá nhằm thu hồi vốn đã cho vay.

Mặt khác, các dự án cho vay DN mà tài sản đảm bảo bằng tài sản là bất động sản, nên tính thanh khoản thấp, định giá cao theo giá thị trường, khó chuyển nhượng nếu xảy ra rủi ro việc xử lý tài sản đảm bảo gặp khó khăn khi định giá lại.

Quá trình kiểm tra, kiểm soát sau cho vay chưa kịp thời, nhiều lúc còn lỏng lẻo, chỉ mang tính hình thức.

*Nhân tố bên ngoài:*

+ Nguyên nhân đến từ phía DN vay:

Sau khi vay không ít KH đã dùng một phần vốn vay thực sự được sử dụng vào HĐKD, phần khác thì dùng cho mục đích khác, thậm chí là tiêu sài cá nhân... Bên cạnh đó có trường hợp KH cố tình chây ì, không chịu trả nợ nhằm mục đích chiếm dụng vốn NH.

Tình hình tài chính DN yếu kém, thiếu minh bạch.

Ngoài ra việc đánh giá và ghi nhận các khoản hạch toán cho đúng, đầy đủ và rõ ràng vào sổ sách kế toán vẫn chưa được các DN tuân thủ.

Do năng lực quản trị điều hành còn hạn chế.

+ Môi trường kinh tế.

+ Môi trường pháp lý.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 2**

### **CHƯƠNG 3**

## **GIẢI PHÁP HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI CHI NHÁNH AGRIBANK ÔNG ÍCH KHIÊM**

### **3.1. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CHO VAY VÀ MỤC TIÊU HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI CHI NHÁNH AGRIBANK ÔNG ÍCH KHIÊM TRONG THỜI GIAN ĐẾN**

#### **3.1.1. Định hướng chung của Agribank**

#### **3.1.2. Định hướng hoạt động hạn chế RRTD đối với KH DN của Chi nhánh Agribank Ông Ích Khiêm trong thời gian đến**

##### *a. Định hướng hoạt động cho vay*

##### *b. Mục tiêu hạn chế rủi ro tín dụng*

### **3.2. GIẢI PHÁP HẠN CHẾ TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI CHI NHÁNH AGRIBANK ÔNG ÍCH KHIÊM**

#### **3.2.1. Chi nhánh đề nghị với hội sở cho phép tổ chức lại bộ máy quản lý tín dụng nói chung và quản lý rủi ro tín dụng nói riêng**

Chi nhánh cần tách biệt các chức năng cán bộ tín dụng, thẩm định và quản lý RRTD, tăng thêm bộ phận QHKKH trong hoạt động cho vay.

Đồng thời, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm pháp lý của các bộ phận đó để đảm bảo tính hiệu quả trong đánh giá chất lượng công việc, giúp cho các quyết định cho vay mang tính khách quan hơn, kết quả thẩm định chính xác hơn, quá trình XLRR cũng nhanh chóng, hiệu quả và kịp thời hơn.

### **3.2.2. Thực thi chính sách cho vay KH doanh nghiệp theo hướng an toàn hơn**

Để hạn chế và phòng ngừa rủi ro có hiệu quả cao, chi nhánh cần nghiên cứu và xây dựng cơ cấu tín dụng theo ngành nghề, lĩnh vực loại hình cho vay thông qua việc đa dạng hóa danh mục đầu tư, danh mục cho vay, tài sản đảm bảo. Mở rộng cho vay nhiều đối tượng, loại hình vay nhằm san sẻ rủi ro tập trung, giảm rủi ro tổn thất bởi vì sự sụt giảm dòng tiền từ KH này có thể bù đắp một phần bởi sự tăng lên của dòng tiền đến từ nhóm KH khác.

Hoàn thiện về pháp lý của các tài sản đảm bảo tiền vay để thuận lợi trong các tài sản bảo đảm, nguồn thu nợ thứ hai khi RRTD trong cho vay xảy ra.

Chi nhánh sử dụng các công cụ bảo hiểm để hạn chế tổn thất khi rủi ro xảy ra là điều kiện cần thiết.

### **3.2.3. Hoàn thiện công tác xếp hạng tín dụng nội bộ KH doanh nghiệp**

Hiện nay, ngoài các chỉ tiêu mà Agribank đang áp dụng để đánh giá tài sản đảm bảo thì cần bổ sung thêm các tiêu chí sau:

- Loại tài sản đảm bảo
- Xu hướng giảm giá của tài sản đảm bảo
- Khả năng sinh lời của tài sản đảm bảo

Việc kết hợp xếp loại KH và đánh giá tài sản đảm bảo giúp cán bộ tín dụng đánh giá được mức độ rủi ro có thể xảy ra, xây dựng các biện pháp kiểm soát tốt hơn, lường trước được rủi ro và ra quyết định cấp tín dụng một cách kịp thời chính xác hơn.

### **3.2.4. Nâng cao chất lượng công tác thẩm định cho vay doanh nghiệp**

Thẩm định về tư cách pháp lý của khách, lịch sử phát triển và

quan hệ tín dụng của KH, uy tín của KH đối với đối tác, mối quan hệ của KH đối với các chủ thể khác trong nền kinh tế,... việc đánh giá KH dựa trên nhiều nguồn thông tin để đánh giá, nguồn thông tin quan trọng chủ yếu nhất là trung tâm thông tin tín dụng của ngân hàng Nhà nước (CIC)

### **3.2.5. Tăng cường giám sát nợ sau khi cho vay**

Để việc quản lý rủi ro tín dụng trong cho vay được kịp thời, đạt được hiệu quả cao thì khâu dự báo, cảnh báo, phát hiện sớm rủi ro tín dụng trong cho vay phát sinh là rất quan trọng, quyết định trực tiếp đến quá trình quản lý nợ xấu sau này.

Việc phân tích, phân loại nợ phải được tiến hành thường xuyên, liên tục, khi phát hiện ra bất kỳ thay đổi nào về nợ xấu phải báo cáo cấp trên và phải báo cáo về tình hình quản lý nợ, những khó khăn trong quá trình thực hiện về Chi nhánh Agribank Đà Nẵng chính để được hỗ trợ xử lý.

### **3.2.6. Quan tâm thích đáng công tác xử lý nợ có vấn đề**

*a. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho KH trên cơ sở nguồn thu đảm bảo, chắc chắn và phương án trả nợ cơ cấu khả thi*

*b. Bán các khoản nợ*

*c. Xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ vay một cách linh hoạt*

### **3.2.7. Thực hiện nghiêm túc việc phân loại nợ và trích lập DPXLRR tín dụng**

Thực hiện nghiêm túc phân loại nợ, tránh tình trạng vì kết quả kinh doanh mà không tuân thủ chính xác trong phân loại nợ và trích lập dự phòng XLRR.

### **3.2.8. Tăng cường hoạt động thu thập, xử lý và lưu trữ thông tin**

Thiết lập hệ thống thông tin đa dạng từ nhiều nguồn gốc khác

nhau: thông tin trong hồ sơ vay của KH, thông tin đã được lưu trữ trong NH, các DN mà Agribank và từ các TCTD khác có quan hệ, từ văn bản pháp lý của nhà nước, trung tâm khai thác thông tin CIC của NHNN, từ cơ quan nghiên cứu, các chuyên gia và phương tiện thông tin đại chúng.

### **3.2.9. Các giải pháp khác**

*a. Không ngừng nâng cao chất lượng mọi mặt của đội ngũ cán bộ NH nói chung và đội ngũ cán bộ thẩm định tín dụng nói riêng*

*b. Cung cấp các dịch vụ tư vấn và các hỗ trợ khác cho KH*

*c. Hiện đại hoá công nghệ quản lý*

## **3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ**

### **3.3.1. Kiến nghị đối với Nhà nước, Chính phủ, các Bộ Ngành**

- Trong hoạch định chính sách, không những cần cân đối giữa các mục tiêu phát triển kinh tế và ổn định tiền tệ mà còn phải quan tâm đến sự phát triển bền vững của các NHTM, tránh tình trạng thắt chặt hoặc nới lỏng quá mức, thay đổi định hướng đột ngột sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến các lợi ích của các NHTM.

- Cần ban hành các quy định mang tính chặt chẽ hơn về những điều kiện để được thành lập công ty kiểm toán viên về tính chính xác, trung thực của các báo cáo kiểm toán.

- Hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến quyền chủ nợ của NH và đảm bảo tiền vay giúp cho các NH thuận lợi khi phải thực hiện các biện pháp xử lý tài sản nhằm giúp các NH nhanh chóng thu hồi được nợ từ các tài sản đảm bảo, tránh tình trạng dây dưa, kéo dài và tốn kém, ảnh hưởng đến tình hình tài chính của NH.

- Hoàn thiện các thể chế và giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp



### **3.3.2. Kiến nghị đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

Để các biện pháp hạn chế rủi ro tín dụng thì cần các văn bản của ngân hàng Nhà nước nhằm có các biện pháp chế tài các hoạt động vượt ra tầm kiểm soát của ngân hàng Nhà nước.

- Tăng cường hoạt động thanh tra, giám sát của NHNN.
- Cải thiện hệ thống thông tin tín dụng

### **3.3.3. Kiến nghị đối với Agribank**

- Hệ thống chấm điểm này cần phải xây dựng một thang điểm chi tiết hơn đối với các chỉ tiêu phi tài chính, đồng thời đưa ra các công thức tính toán khoa học đối với mọi chỉ tiêu tài chính.

- Ban hành văn bản quy định về quản lý giới hạn tín dụng đối với KH và một nhóm KH. Xây dựng mô hình đánh giá và cảnh báo sớm rủi ro để áp dụng cho các chi nhánh.

- Xây dựng các quy chế, văn bản phù hợp với tình hình thực tế, làm khung pháp lý cho cán bộ kiểm soát theo đó thực hiện, giúp hoạt động kiểm tra, kiểm soát được thuận lợi hơn.

### **3.3.4 Kiến nghị đối với Agribank Đà Nẵng**

- Thường xuyên mở các lớp đào tạo nâng cao kỹ năng, kỹ thuật, nghiệp vụ tín dụng để phục vụ cho hoạt động thẩm định cho vay ngày càng chặt chẽ hơn nhằm giảm thiểu RRTD trong hoạt động cho vay DN.

- Cần tăng cường hoạt động kiểm tra, kiểm soát nội bộ chi nhánh

- Cần thành lập một phòng ban quản lý và xử lý nợ có vấn đề để kiểm tra, giám sát, quản lý và xử lý nợ một cách chặt chẽ và kịp thời nhằm hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp.

## KẾT LUẬN

Đề tài luận văn “ Hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ông Ích Khiêm” được chọn nghiên cứu để giải quyết một trong những vấn đề trong giai đoạn hiện nay.

1. Luận văn đã khái quát cơ sở lý luận cơ bản về hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại; nhận biết được đặc điểm, nguyên nhân phát sinh rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp và nội dung hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của NHTM.

2. Luận văn đã đánh giá thực trạng HĐKD của Chi nhánh Agribank Ông Ích Khiêm trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2012, đi sâu vào phân tích thực trạng hoạt động hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp, qua đó đánh giá được những nguyên nhân dẫn đến rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Chi nhánh Agribank Ông Ích Khiêm.

3. Trên cơ sở đánh giá thực trạng hoạt động hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Chi nhánh Agribank Ông Ích Khiêm, luận văn đã đề xuất một số giải pháp và kiến nghị có tính nhằm hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của chi nhánh trong thời gian tới. Luận văn nêu lên một số kiến nghị với ban ngành có liên quan cũng như kiến nghị đối với NHNN, đối với Agribank hội sở và tại chi nhánh Agribank Đà Nẵng.

Đây là một đề tài mang tính phức tạp nên những đánh giá, phân tích, những giải pháp, kiến nghị không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế. Tác giả luận văn mong muốn nhận được sự tham gia đóng góp ý kiến của các Thầy cô giáo, các bạn đọc để luận văn có điều kiện hoàn thiện thêm.